

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KRÔNG NĂNG
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2018/HNGĐ - ST

Ngày: 02 - 4 - 2018

“V/v: Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NĂNG, TỈNH ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Ngọc San.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Lam.
2. Ông Nguyễn Thanh Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Krông Năng .

Ngày 02/4/2018, Tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Krông Năng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 294/2017/TLST - HNGĐ ngày 07/11/2017 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2018/QĐXXXST - HNGĐ ngày 15/3/2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị D – Sinh năm 1966.

Địa chỉ: TDP 3, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk – Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Đinh Trung T – Sinh năm 1967.

Địa chỉ: TDP 3, Thị trấn K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện ngày 26/10/2017, tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà Nguyễn Thị D trình bày: Bà và ông Đinh Trung T kết hôn ngày 22/6/1992, có đăng ký kết hôn tại xã K, huyện K, tỉnh Đắk Lắk. Sau khi kết hôn một thời gian ngắn thì bà và ông T phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông T thường xuyên uống rượu, không quan tâm, chăm sóc gia đình. Mỗi lần say xỉn là ông đuổi và đe dọa giết bà và con. Bà và ông T đã sống ly thân từ tháng 01/2016 đến nay. Do tình cảm vợ chồng không còn, chung sống không còn hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đinh Trung T.

Về con chung: Bà và ông Thực có 01 con chung tên là: Đinh Ngọc A (Sinh ngày 27/01/1993). Con chung của bà và ông T đã trưởng thành nên bà không có ý kiến gì về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Về phân chia tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai ngày 23/11/2017, cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đinh Trung T trình bày: Ông công nhận ông và bà D kết hôn vào tháng 6/1992 như bà D trình bày. Ông thừa nhận trong cuộc sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông không gặp thuận lợi trong công việc nên có uống rượu. Ông và bà D đã sống ly thân gần một năm nay. Tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn nhưng mâu thuẫn không lớn, ông vẫn còn dành tình cảm cho bà D nên ông có nguyện vọng được hòa giải đoàn tụ và ông sẽ cố gắng sửa đổi những sai sót. Tuy nhiên, nếu bà D kiên quyết yêu cầu ly hôn thì ông chấp nhận.

Về con chung: Ông thừa nhận ông và bà D có 01 con chung tên là Đinh Ngọc A (Sinh ngày 27/01/1993). Con chung của ông và bà Diệp đã trưởng thành nên ông không có ý kiến gì về nghĩa vụ nuôi dưỡng.

Về phân chia tài sản chung: Nếu ly hôn ông không yêu cầu xem xét giải quyết về vấn đề phân chia tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu chứng cứ đã thu thập, Hội đồng xét xử xét thấy: Bà Nguyễn Thị D và ông Đinh Trung T là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Do vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nên bà D đã khởi kiện xin ly hôn ông T. Như vậy, tranh chấp giữa bà D và ông T là “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Krông Năng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[2] Về nội dung tranh chấp:

- Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa bà D và ông T là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án cả bà D và ông T đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn và thực tế hiện nay hai người đã không còn chung sống với nhau. Ông T cho rằng tuy vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn, nhưng mâu thuẫn không lớn, ông vẫn còn tình cảm với bà D nên mong muốn được hòa giải đoàn tụ. Tuy nhiên, qua xác minh tại địa phương về tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T thì thấy rằng giữa bà D và ông T có phát sinh mâu thuẫn. Các lần hòa giải tại Tòa án và tại phiên tòa hôm nay bà D vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà D và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu tiếp tục duy trì quan hệ hôn nhân cũng không đảm bảo cuộc sống hạnh phúc. Vì vậy HĐXX xét thấy việc bà D yêu cầu ly hôn là có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận cho ly hôn.

- Về con chung: Bà D và ông T có 01 con chung là Đinh Ngọc A (Sinh ngày 27/01/1993). Con chung của bà D và ông T đã trưởng thành nên HĐXX không đặt ra để xem xét về nghĩa vụ nuôi con.

- Về phân chia tài sản chung: Cả bà D và ông T đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không đặt ra để xem xét về phân chia tài sản chung.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147 và Điều 271 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị D được ly hôn ông Đinh Trung T.
2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ trong số tiền 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) đã nộp tạm ứng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kr theo biên lai số AA/2017/0002302 ngày 07/11/2017.
3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện Krông Năng;
- Chi cục THADS huyện K;
- Các đương sự;
- UBND xã K
- Lưu hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Bùi Ngọc San